

CHÍNH PHỦ
Số: 26/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999;

Căn cứ Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên ngày 27 tháng 8 năm 1996,

Theo đề nghị của Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng;

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định việc tuyển chọn, đào tạo, đăng ký, quản lý, huấn luyện, sắp xếp bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ, phong, thăng quân hàm, chuyển hạng, giải ngạch sĩ quan dự bị; gọi sĩ quan dự bị vào phục vụ tại ngũ, chế độ, chính sách, khen thưởng, xử lý vi phạm, kinh phí bảo đảm cho công tác sĩ quan dự bị.

Điều 2.

1. Sĩ quan dự bị là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam phục vụ ở ngạch dự bị, gồm sĩ quan dự bị hạng 1, sĩ quan dự bị hạng 2 theo hạn tuổi quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999 (sau đây gọi là Luật Sĩ quan năm 1999).

2. Sĩ quan dự bị được đăng ký, quản lý, huấn luyện, sắp xếp trong đơn vị dự bị động viên, sẵn sàng huy động vào phục vụ tại ngũ, tăng cường cho lực lượng thường trực khi có nhu cầu.

Điều 3.

1. Đội ngũ sĩ quan dự bị được xây dựng vững mạnh về chính trị tư tưởng, tổ chức; có số lượng và cơ cấu hợp lý; có trình độ, năng lực chỉ huy, quản lý, chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

2. Việc xây dựng và huy động đội ngũ sĩ quan dự bị phải bảo đảm đủ chỉ tiêu, đúng đối tượng tiêu chuẩn, đúng thời gian, bảo đảm bí mật an toàn theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức), các đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm thực hiện những quy định về sĩ quan dự bị trong Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG II

TUYỂN CHỌN, ĐÀO TẠO SĨ QUAN DỰ BỊ

Điều 5.

1. Những đối tượng sau đây thuộc diện tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị:

- a) Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan khi thôi phục vụ tại ngũ và hạ sĩ quan dự bị hạng 1;
- b) Cán bộ, công chức ngoài quân đội và những người tốt nghiệp đại học trở lên.

2. Những người thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này, có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khỏe và tuổi đời thì có thể được tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với từng đối tượng được tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 6.

1. Căn cứ nhu cầu xây dựng đội ngũ sĩ quan dự bị, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉ tiêu đào tạo sĩ quan dự bị, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ tuyển chọn công dân đi đào tạo sĩ quan dự bị hàng năm cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ) và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

2. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định số lượng cụ thể từng loại sĩ quan dự bị cần đào tạo ở các Bộ, tỉnh.

Điều 7. Việc đào tạo sĩ quan dự bị được thực hiện tại các trường trong quân đội. Thời gian đào tạo sĩ quan dự bị từ 3 tháng đến 6 tháng. Căn cứ vào đối tượng, yêu cầu đào tạo đối với

từng loại sĩ quan dự bị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể về thời gian, nội dung, chương trình đào tạo.

Điều 8.

1. Bộ Quốc phòng hướng dẫn các Bộ, tỉnh việc tuyển chọn những người đủ tiêu chuẩn đi đào tạo sĩ quan dự bị.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, đôn đốc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) tổ chức tuyển chọn người đi đào tạo sĩ quan dự bị theo đúng chỉ tiêu, đối tượng, tiêu chuẩn và lập hồ sơ để Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định việc gọi đào tạo sĩ quan dự bị.
3. Căn cứ quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về gọi đào tạo sĩ quan dự bị, việc gọi từng người đi đào tạo sĩ quan dự bị được thực hiện như sau:
 - a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gọi đào tạo sĩ quan dự bị đối với hạ sĩ quan dự bị hạng 1, cán bộ, công chức ngoài quân đội và những người tốt nghiệp đại học trở lên cư trú tại địa phương;
 - b) Hiệu trưởng các trường đại học triển khai thực hiện quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gọi từng sinh viên khi tốt nghiệp đại học đi đào tạo sĩ quan dự bị;
 - c) Các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng gọi đào tạo sĩ quan dự bị đối với quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan khi thôi phục vụ tại ngũ.

Điều 9.

1. Những người được tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị có trách nhiệm thực hiện các quy định về tuyển chọn và chấp hành lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị.
2. Các cơ quan, tổ chức có người được gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, bố trí thời gian, bảo đảm quyền lợi cho người đi đào tạo sĩ quan dự bị theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ, HUẤN LUYỆN, CHUYỂN HẠNG,

GIẢI NGẠCH SĨ QUAN DỰ BỊ

MỤC 1. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ SĨ QUAN DỰ BỊ

Điều 10. Đối tượng đăng ký sĩ quan dự bị:

1. Sĩ quan khi thôi phục vụ tại ngũ còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện chuyển sang ngạch dự bị;
2. Cán bộ là quân nhân chuyên nghiệp khi thôi phục vụ tại ngũ còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện, được phong quân hàm sĩ quan dự bị;
3. Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan khi thôi phục vụ tại ngũ và hạ sĩ quan dự bị hạng 1, đã qua đào tạo sĩ quan dự bị, được phong quân hàm sĩ quan dự bị;
4. Cán bộ, công chức ngoài quân đội, những người tốt nghiệp đại học trở lên đã qua đào tạo sĩ quan dự bị, được phong quân hàm sĩ quan dự bị.

Điều 11

1. Những đối tượng quy định tại Điều 10 Nghị định này phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị.
2. Những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này chưa được đăng ký sĩ quan dự bị, nếu:
 - a) Bị tước quyền phục vụ trong các lực lượng vũ trang nhân dân;
 - b) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - c) Bị phạt tù hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ;
 - d) Ra nước ngoài trái phép hoặc ở lại nước ngoài trái phép.
3. Khi không còn thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều này, việc đăng ký sĩ quan dự bị được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

Điều 12. Việc đăng ký sĩ quan dự bị được thực hiện như sau:

1. Sĩ quan dự bị không phải là cán bộ, công chức nhà nước đăng ký tại Ban Chỉ huy quân sự xã phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) hoặc cơ quan quân sự cấp huyện nơi sĩ quan dự bị đăng ký hộ khẩu thường trú (sau đây gọi là nơi thường trú);
2. Sĩ quan dự bị là cán bộ, công chức nhà nước đăng ký tại cơ quan, tổ chức nơi công tác hoặc cơ quan quân sự cấp huyện sở tại.

Điều 13.

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ chuyển sang ngạch dự bị hoặc từ khi tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị về đến nơi thường trú hoặc nơi công tác, sĩ quan

dự bị phải mang giấy giới thiệu và thẻ sĩ quan dự bị đến cơ quan quân sự cấp huyện để đăng ký lần đầu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Cơ quan quân sự cấp huyện làm thủ tục đăng ký và cấp giấy giới thiệu sĩ quan dự bị về Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị công tác để đăng ký quản lý.

Điều 14.

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi sĩ quan dự bị có sự thay đổi các yếu tố đã đăng ký về bản thân và gia đình phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị công tác để đăng ký bổ sung.

2. Hàng tháng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và cơ quan, tổ chức có sĩ quan dự bị, tổng hợp đăng ký bổ sung báo cáo cơ quan quân sự cấp huyện sở tại

Điều 15.

1. Sĩ quan dự bị trước khi di chuyển nơi thường trú hoặc nơi công tác từ huyện này sang huyện khác phải đến cơ quan quân sự cấp huyện sở tại để làm thủ tục giới thiệu về cơ quan quân sự nơi sẽ đến thường trú hoặc công tác mới.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đến nơi thường trú hoặc công tác mới, sĩ quan dự bị phải đến cơ quan quân sự cấp huyện nơi đến để đăng ký theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Điều 16.

1. Sĩ quan dự bị khi vắng mặt tại nơi thường trú hoặc nơi công tác:

a) Vắng mặt từ 30 ngày trở lên sĩ quan dự bị phải báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức nơi công tác. Hàng tháng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và cơ quan, tổ chức có sĩ quan dự bị phải báo cáo với cơ quan quân sự cấp huyện sở tại về số sĩ quan dự bị đang vắng mặt;

b) Sĩ quan dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên vắng mặt từ 3 tháng trở lên, cơ quan quân sự cấp huyện phải thông báo cho đơn vị thường trực trực tiếp nhận sĩ quan dự bị biết;

c) Khi có lệnh tổng động viên, sĩ quan dự bị phải trở về ngay nơi thường trú hoặc nơi công tác để sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

2. Sĩ quan dự bị được cử đi công tác, học tập ở nước ngoài hoặc ra nước ngoài vì việc riêng: